

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LÃNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LĂNG

Khu 5, Thị Trấn Tiên Lăng,

Huyện Tiên Lăng, Thành Phố Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03-04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-21

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lăng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Nguyễn Trí Dũng Chủ tịch

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Là Tổng Giám đốc

Ông Trần Thành Cường Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính, Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Chạy máy và tại diện cho Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trí Dũng

Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Số : 043/2024/BCKT.TC-ASA.05

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lãng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lãng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2025, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lãng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lãng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTH Việt Nam.



Lê Đức Minh

Phó Tổng Giám đốc

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 1628-2023-239-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Phạm Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 2350-2023-239-1

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LÃNG

Khu 5, Thị Trấn Tiên Lãng,
Huyện Tiên Lãng, Thành Phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.391.034.227	9.243.105.373
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	21.006.547.868	6.674.491.977
1. Tiền	111		17.506.547.868	6.674.491.977
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		674.022.386	1.870.394.103
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.422.580.414	1.359.502.485
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	278.645.000	1.391.721.263
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		36.177.252	3.961.705
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.063.380.280)	(884.791.350)
IV. Hàng tồn kho	140	9	694.018.608	668.382.723
1. Hàng tồn kho	141		694.018.608	668.382.723
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.445.365	29.836.570
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	16.445.365	29.836.570
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		273.385.980.463	273.110.078.299
II. Tài sản cố định	220		273.352.901.734	267.601.611.782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	273.352.901.734	267.601.611.782
- Nguyên giá	222		295.787.892.992	290.248.792.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.434.991.258)	(22.647.180.508)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	5.473.069.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	5.473.069.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.078.729	35.397.517
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		33.078.729	35.397.517
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		295.777.014.690	282.353.183.672

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LÃNG

Khu 5, Thị Trấn Tiên Lãng,
Huyện Tiên Lãng, Thành Phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.242.776.855	1.000.626.228
I. Nợ ngắn hạn	310		19.242.776.855	1.000.626.228
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		15.115.187.926	677.271.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	534.737.695	78.107.688
3. Phải trả người lao động	314		461.222.000	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	2.069.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		335.866.484	183.897.300
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		726.762.750	61.350.240
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		276.534.237.835	281.352.557.444
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	272.244.943.835	275.309.723.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.244.943.835	275.309.723.136
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.289.294.000	6.042.834.308
1. Nguồn kinh phí	431		-	1.753.540.308
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.289.294.000	4.289.294.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		295.777.014.690	282.353.183.672

[Signature]

[Signature]



Phạm Thị Hiền
Người lập

Phạm Thị Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Trí Dũng
Chủ tịch Công ty
Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	31.328.673.198	30.685.617.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		31.328.673.198	30.685.617.254
4. Giá vốn hàng bán	11	15	24.339.092.993	23.175.353.120
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.989.580.205	7.510.264.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	116.776.287	199.439.437
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	6.844.058.420	6.207.177.460
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		262.298.072	1.502.526.111
11. Thu nhập khác	31		4.424.698.800	73.777.273
12. Chi phí khác	32		63.805.936	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.360.892.864	73.777.273
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.623.190.936	1.576.303.384
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	925.832.426	62.208.244
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.697.358.510	1.514.095.140



Phạm Thị Hiền
Người lập

Phạm Thị Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Trí Dũng
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		35.722.180.061	30.775.347.709
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(6.533.739.608)	(20.832.658.549)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.264.010.000)	(14.807.784.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(549.756.885)	(9.983.096)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.197.391.198	19.806.734.539
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.097.374.511)	(8.371.101.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.474.690.255	6.560.554.810
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.227.195.104)	(6.743.793.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		84.560.740	199.439.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.142.634.364)	(6.544.353.563)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		14.332.055.891	16.201.247
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.674.491.977	6.658.290.730
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	6	21.006.547.868	6.674.491.977

Phạm Thị Hiền
Người lậpPhạm Thị Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Trí Dũng
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lăng là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lăng theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200325622 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu 5, Thị Trấn Tiên Lăng, Huyện Tiên Lăng, Thành Phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 246.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lăng, số vốn điều lệ Công ty là 246.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Nạo vét sông, ngòi, đắp đê, làm kè, sửa chữa các công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Vận hành hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp; Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị; Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: thoát nước; Xây dựng nhà để ô tô;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, tư vấn đầu thầu xây lắp công trình thủy lợi; tư vấn các phương pháp tưới tiêu khoa học, giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình thủy lợi; Tư vấn lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng; tư vấn thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án (nhóm B); tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng; tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 năm |

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Các tài sản cố định sau đây của Công ty không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình;

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động công ích doanh thu được xác định và ghi nhận theo số ghi thu thủy lợi phí trong năm trên cơ sở của các khoản thủy lợi phí mà ngân sách cấp.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Thuế**

Hoạt động công ích: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO KẾT QUẢ THANH TRA CỦA CƠ QUAN THANH TRA

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 căn cứ trên Kết luận thanh tra số 69/KL-TTTP của Thanh tra thành phố về việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi tài chính và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản niên độ 2022-2023. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu đã kiểm toán năm trước</u> VND	<u>Số liệu điều chỉnh theo Biên bản thanh tra</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán					
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6.486.252.000	5.473.069.000	(1.013.183.000)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	34.535.442	78.107.688	43.572.246	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	1.118.105.486	61.350.240	(1.056.755.246)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Giá vốn hàng bán	-	22.162.170.120	23.175.353.120	1.013.183.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	8.523.447.134	7.510.264.134	(1.013.183.000)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	2.515.709.111	1.502.526.111	(1.013.183.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	2.589.486.384	1.576.303.384	(1.013.183.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	18.635.998	62.208.244	43.572.246
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.570.850.386	1.514.095.140	(1.056.755.246)

6 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	657.862.614	86.510.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.848.685.254	6.587.981.943
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	-
	<u>21.006.547.868</u>	<u>6.674.491.977</u>

Tại 31/12/2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
HTX dịch vụ nước sạch Gia Hưng	499.111.500	531.714.000
Công ty cổ phần Tân Sơn	387.067.100	387.067.100
HTX Thủy Sản - Dịch vụ môi trường Tiên Lăng	288.637.000	298.702.900
Các khoản phải thu khách hàng khác	247.764.814	142.018.485
	<u>1.422.580.414</u>	<u>1.359.502.485</u>

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ Phần xây dựng tổng hợp Thành Đức	-	-	951.721.263	-
Công ty cổ phần tư vấn & thiết kế XD Đông Nam Á	278.645.000	-	440.000.000	-
	<u>278.645.000</u>	<u>-</u>	<u>1.391.721.263</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	525.141.111	-	548.225.880	-
Công cụ, dụng cụ	168.877.497	-	120.156.843	-
	<u>694.018.608</u>	<u>-</u>	<u>668.382.723</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	282.452.780.978	6.243.921.858	1.552.089.454	290.248.792.290
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.246.625.104	683.585.000	-	8.930.210.104
Giảm khác	(3.287.889.402)	(103.220.000)	-	(3.391.109.402)
Tại ngày 31/12/2024	287.411.516.680	6.824.286.858	1.552.089.454	295.787.892.992
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	19.167.305.777	2.030.813.277	1.449.061.454	22.647.180.508
Trích khấu hao	11.111.000	-	103.028.000	114.139.000
Giảm khác	(293.643.500)	(32.684.750)	-	(326.328.250)
Tại ngày 31/12/2024	18.884.773.277	1.998.128.527	1.552.089.454	22.434.991.258
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	263.285.475.201	4.213.108.581	103.028.000	267.601.611.782
Tại ngày 31/12/2024	268.526.743.403	4.826.158.331	-	273.352.901.734

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.971.111.454 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	29.836.570	-	97.068.485	83.677.280	16.445.365	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	53.579.272	962.464.108	549.756.885	-	466.286.495
Thuế Thu nhập cá nhân	-	20.599.662	115.266.419	70.320.062	-	65.546.019
Thuế Tài nguyên	-	3.928.754	12.163.321	13.186.894	-	2.905.181
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	328.541.100	328.541.100	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	29.836.570	78.107.688	1.518.503.433	1.048.482.221	16.445.365	534.737.695

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trích trước chi phí cải tạo sửa chữa công trình thủy lợi	2.069.000.000	-
	<u>2.069.000.000</u>	<u>-</u>

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2023			
Tại ngày 01/01/2023	275.309.723.136	-	275.309.723.136
Lãi/lỗ trong năm trước	-	1.514.095.140	1.514.095.140
Phân phối lợi nhuận	-	(1.514.095.140)	(1.514.095.140)
Tại ngày 31/12/2023	<u>275.309.723.136</u>	<u>-</u>	<u>275.309.723.136</u>
Năm 2024			
Tại ngày 01/01/2024	275.309.723.136	-	275.309.723.136
Lãi/lỗ trong năm nay	-	3.697.358.510	3.697.358.510
Phân phối lợi nhuận	-	(3.697.358.510)	(3.697.358.510)
Giảm vốn trong năm nay (*)	(3.064.779.301)	-	(3.064.779.301)
Tại ngày 31/12/2024	<u>272.244.943.835</u>	<u>-</u>	<u>272.244.943.835</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ủy Ban nhân dân TP Hải Phòng (**)	100%	272.244.943.835	100%	275.309.723.136
	<u>100%</u>	<u>272.244.943.835</u>	<u>100%</u>	<u>275.309.723.136</u>

(*)Theo công văn số 2469/UBND-TL ngày 06/11/2024 của Ủy Ban Nhân dân TP Hải Phòng, Công ty hạch toán giảm vốn điều lệ do trong năm Công ty thanh lý nhà máy bơm, hệ thống kênh mương do công ty quản lý để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án khu công nghiệp Tiên Thanh giai đoạn I, Cụm khu công nghiệp Tiên Cường II, Công trình đường tại Thôn Phương La, Xã Quyết Tiến.

(**) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của công ty đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 08 năm 2024 là 246.000.000.000 đồng.

14 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu thủy lợi phí và bán nước thô	29.531.649.416	29.618.119.636
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.797.023.782	1.067.497.618
	<u>31.328.673.198</u>	<u>30.685.617.254</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thủy lợi phí và bán nước thô	22.564.858.147	22.126.460.320
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.774.234.846	1.048.892.800
	24.339.092.993	23.175.353.120

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	116.776.287	199.439.437
	116.776.287	199.439.437

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	147.531.694	240.054.618
Chi phí nhân công	5.736.673.572	4.801.244.314
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.122.000	103.028.000
Thuế, phí, lệ phí	331.541.100	331.541.200
Chi phí dự phòng	178.588.930	209.739.300
Chi phí khác bằng tiền	348.601.124	521.570.028
	6.844.058.420	6.207.177.460

18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.623.190.936	1.576.303.384
Các khoản điều chỉnh tăng	63.805.936	12.960.000
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	63.805.936	12.960.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(57.834.742)	(1.278.222.166)
- Lợi nhuận không chịu thuế	(57.834.742)	(1.278.222.166)
Thu nhập tính thuế TNDN	4.629.162.130	311.041.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	925.832.426	62.208.244
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	925.832.426	62.208.244

19 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LĂNG

Khu 5, Thị Trấn Tiên Lăng,
Huyện Tiên Lăng, Thành Phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

20 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc	948.190.000	982.709.000

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTH Việt Nam.


Phạm Thị Hiền
Người lập


Phạm Thị Hiền
Kế toán trưởng




Nguyễn Trí Dũng
Chủ tịch Công ty
Hải Phòng, ngày 15 tháng 02 năm 2025